

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 489/QĐ-ĐHTD, ngày 08 tháng 9 năm 2016 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

**Tên chương trình : Quản lý Đất đai**  
**Trình độ đào tạo : Đại học**  
**Ngành đào tạo : Quản lý Đất đai**  
**Mã số : 52850103**  
**Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung**

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình này nhằm đào tạo kỹ sư quản lý đất đai có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, nắm vững kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực địa chính.

Sinh viên sau khi ra trường có kiến thức chuyên ngành về quản lý thông tin đất đai, thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai, định giá đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### A. Chuẩn kiến thức

- A.1. Hiểu các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- A.2. Hiểu và vận dụng kiến thức toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, công nghệ thông tin và kiến thức cơ sở vào ngành đào tạo;
- A.3. Trình độ ngoại ngữ đạt tối thiểu TOEIC từ 350-450 điểm hoặc tương đương;
- A.4. Hiểu biết các vấn đề đương đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn;
- A.5. Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên môn sau:
  - A.5.1. Đo đạc địa chính
  - A.5.2. Quy hoạch sử dụng đất
  - A.5.3. Thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính
  - A.5.4. Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai
  - A.5.5. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

A.5.6. Định giá đất

A.5.7. Quản lý & phân tích thị trường bất động sản

A.5.8. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính

A.5.9. Chiến lược phát triển bền vững tài nguyên đất đai

A.5.10. Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai

## **B. Chuẩn kỹ năng**

### **B.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

B.1.1. Tổ chức quản lý và vận hành tốt các quy trình kỹ thuật đo đạc địa chính

B.1.2. Tổ chức quản lý và Quy hoạch sử dụng đất

B.1.3. Thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính

B.1.4. Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

B.1.5. Quản lý tốt trong công tác định giá đất

B.1.6. Quản lý & phân tích thị trường bất động sản

B.1.7. Có kỹ năng tốt trong công tác phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính

B.1.8. Biết nghiên cứu chiến lược phát triển bền vững tài nguyên đất đai

B.1.9. Có kỹ năng trong việc thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai

B.1.10. Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai

### **B.2. Kỹ năng mềm**

B.2.1. Các kỹ năng cá nhân: Có khả năng làm việc độc lập, năng động, sáng tạo.

B.2.2. Có khả năng hợp tác, tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm.

B.2.3. Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống.

B.2.4. Thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.

B.2.5. Sử dụng công nghệ thông tin (tin học trình độ B) và ngoại ngữ (Anh văn trình độ B tương đương TOEIC từ 350-450) phục vụ công việc chuyên môn và quản lý.

## **C. Về phẩm chất đạo đức**

C.1. Ý thức trách nhiệm công dân tốt, hết lòng phục vụ tổ quốc, lối sống lành mạnh phù hợp bản sắc dân tộc;

C.2. Yêu khoa học, yêu nghề, cầu tiến và không ngừng học tập nâng cao trình độ;

C.3. Năng động, sáng tạo, sẵn sàng làm việc độc lập, khoa học, tự học hỏi, tìm kiếm, cập nhật sử dụng thông tin trong giải quyết công việc;

C.4. Có thái độ cộng tác, khách quan, công bằng trong công việc và cuộc sống.

**D. Vị trí việc làm, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Có thể học thêm một bằng đại học khác cùng nhóm ngành hoặc học tiếp bậc Thạc sĩ hay Tiến sĩ ở các Trường đại học theo qui chế của Bộ Giáo Dục & Đào tạo.

*Kỹ sư quản lý đất đai có khả năng làm việc chuyên môn, nghiệp vụ tại:*

- Vị trí công tác: có khả năng đảm nhiệm công tác quản lý và điều hành như cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật
- Đơn vị làm việc:
  - + Cơ quan, các doanh nghiệp, xí nghiệp, văn phòng thuộc lĩnh vực quản lý đất đai và lĩnh vực có liên quan.
  - + Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản lý đất đai
  - + Cơ sở giáo dục có các ngành nghề về nông nghiệp như Hiệp hội, trung tâm dạy nghề, trường Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, đại học ngành Quản lý đất đai.

**2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm.**

**3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **147 tín chỉ (kể cả GDQP và GDTC)**

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	
		BẮT BUỘC	TỰ CHỌN
1	Giáo dục đại cương	46	2
2	Giáo dục chuyên nghiệp		
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	40	
2.2	Kiến thức chuyên ngành	41	6
3	Tốt nghiệp	12	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>139</b>	<b>8</b>

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **5. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Quy trình đào tạo**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

## **6. THANG ĐIỂM**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

## **7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (37 + 11\*) TC**

7.1.1. Lý luận chính trị	<i>10 tín chỉ</i>
- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3

- Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
- Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
7.1.2. Khoa học xã hội	2 <i>tín chỉ</i>
• Bắt buộc	
- Pháp luật đại cương	2
7.1.3. Nhân văn - Nghệ thuật – Môi trường	2 <i>tín chỉ</i>
• Tự chọn	
- Văn bản và lưu trữ học đại cương	2
- Xã hội học đại cương	2
- Logic học đại cương	2
- Tiếng Việt thực hành	2
7.1.4. Ngoại ngữ	12 <i>tín chỉ</i>
- Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4
- Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4
- Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4
7.1.5. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên	11 <i>tín chỉ</i>
<i>Bắt buộc:</i>	
- Toán cao cấp	3
- Tin học căn bản	2
- Thực hành tin học căn bản	2
- Kinh tế học đại cương	2
- Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	2
7.1.6. Giáo dục thể chất (*)	3 <i>tín chỉ</i>
7.1.7. Giáo dục quốc phòng- an ninh (*)	8 <i>tín chỉ</i>

**7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:**

**93 BB + 6 TC = 99 TC**

STT	Tên môn học	Số TC	BB	Số tiết		
				TS	LT	TH
<b>A. Khối kiến thức cơ sở ngành:</b>						
1	Địa chất	2	x	30	30	
2	Thổ nhưỡng	3	x	45	30	30

3	Phì nhiều đất	3	x	45	30	30
5	Luật đất đai	3	x	45	45	
6	Hóa phân tích	3	x	45	30	30
7	Đánh giá đất	2	x	30	15	30
8	Quản lý nhà nước về đất đai	2	x	30	30	
9	Viễn thám I	2	x	30	15	30
10	Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	x	45	15	60
11	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	x	30	15	30
12	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	2	x	30	15	30
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x	30	30	
14	Thống kê đất đai	2	x	30	15	30
15	Biến đổi khí hậu và thích ứng	2	x	30	30	
16	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2	x	30	30	
17	Thống kê ứng dụng	3	x	45	30	30
18	Bạc màu và bảo vệ đất đai	2	x	30	30	

**Cộng 40 TC (Bắt buộc 40, Tự chọn 0 TC)**

**A. Khối kiến thức chuyên ngành:**

19	Đo đạc địa chính	2	x	30	30	
20	Thực tập đo đạc địa chính	2	x	30		60
21	Thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	2	x	30	15	30
22	Viễn thám ứng dụng trong địa chính	2	x	30	15	30
23	Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM	3	x	45	15	60
24	Quy hoạch phát triển nông thôn và đô thị	3	x	45	30	30
25	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	2	x	30	15	30
26	Autocad và Hệ thống định vị toàn cầu GPS	2	x	30	15	30
27	Quy hoạch và sử dụng đất	3	x	45	30	30
28	Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai	3	x	45	30	30
29	Phân hạng và định giá đất	2	x	30	15	30

30	TT chuyên ngành (Rèn nghề quản lý đất đai)	2	x			60
31	TT thực tế ngành QLDD (TT giáo trình)	2	x	30		60
32	Tin học ứng dụng (Visual basic & Microsoft Access)	3	x	45	45	
33	Môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	x	30	30	
34	Phương pháp PRA trong điều tra kiểm kê đất đai	2	x	30	15	30
35	Anh văn chuyên ngành QLDD	2	x	30	30	
36	Môi trường và sự phát triển đô thị	2	x	30	30	
37	Quan hệ đất- cây trồng*	2	Tự chọn 6 TC	30	30	
38	Dinh dưỡng khoáng cây trồng*	2		30	30	
39	Hệ thống canh tác*	2		30	30	
40	Đánh giá số liệu phân tích đất- nước- cây trồng*	2		30	30	
41	Phong thủy ứng dụng*	2		30	30	
42	Sinh thái môi trường và sự biến đổi khí hậu*	2		30	30	
43	Hệ sinh thái nông nghiệp*	2		30	30	
44	Hệ sinh thái đất ngập nước*	2		30	30	
45	Nông nghiệp sạch & bền vững*	2		30	30	
46	Quản lý dự án đầu tư*	2		30	30	
47	Quản lý & phân tích thị trường bất động sản	2	12	30	30	
48	Chiến lược phát triển bền vững tài nguyên đất đai	2		30	30	
49	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính	2		30	15	30
50	Tiêu luận tốt nghiệp	8		120		240
51	Khóa luận tốt nghiệp	12		180		360
<b>Cộng 59 TC (Bắt buộc 53, Tự chọn 6* TC)</b>						

**Tổng cộng: 147 tín chỉ gồm GDTC và GDQP**



## 8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)

Năm thứ: 1

Học kỳ 1:

TT	Tên môn học	TC	BB	Tổng số tiết	LT	TH
1	Giáo dục quốc phòng	8*	x			
2	Giáo dục thể chất 1	1*	x	30		30
3	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	x	60	60	
4	Tin học căn bản	2	x	30	30	
5	TT tin học căn bản	2	x	30		60
6	Toán cao cấp	3	x	45	45	
7	Pháp luật đại cương	2	x	30	30	
8	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lenin 1	2	x	30	30	
<b>Tổng cộng</b>		<b>15 + 9*</b>				

Học kỳ: 2

TT	Tên môn học	TC	BB	TS	LT	TH
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lenin 2	3	x	45	45	
2	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	x	60	60	
3	Giáo dục thể chất 2	1*	x	30		30
4	Kinh tế học đại cương	2	x	30	30	
5	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	x	30	30	
6	Hóa phân tích	3	x	30	30	
7	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	2			
8	Xã hội học đại cương	2				
9	Logic học đại cương	2				
10	Tiếng Việt thực hành	2				
<b>Tổng cộng</b>		<b>16 + 1*</b>				



**Năm thứ: 2****Học kỳ 3**

TT	Tên môn học	TC	BB	TS	LT	TH
1	Luật đất đai	3	x	45	45	
2	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4	x	60	60	
3	Giáo dục thể chất 3	1*	x	30		30
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x	30	30	
5	Địa chất	2	x	30	30	
6	Thổ nhưỡng	3	x	45	30	30
7	Phì nhiều đất	3	x	45	30	30
<b>Tổng cộng bắt buộc</b>		<b>17+1*</b>				

**Học kỳ 4**

TT	Tên môn học	TC	BB	TS	LT	TH
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản VN	3	x	45	45	
2	Đánh giá đất	2	x	30	15	30
3	Quản lý nhà nước về đất đai	2	x	30	30	
4	Viễn thám I	2	x	30	15	30
5	Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	x	45	15	60
6	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	x	30	15	30
7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	2	x	30	15	30
8	Biến đổi khí hậu và thích ứng	2	x	30	30	
<b>Tổng cộng bắt buộc</b>		<b>18</b>				

**Năm thứ: 3****Học kỳ 5**

TT	Tên môn học	TC	BB	TS	LT	TH
1	Thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	2	x	30	15	30
2	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	2	x	30	15	30

3	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2	x	30	30	
4	Thống kê ứng dụng	3	x	45	30	30
5	Bạc màu và bảo vệ đất đai	2	x	30	30	
6	Đo đạc địa chính	2	x	30	30	
7	Thực tập đo đạc địa chính	2	x	30		60
8	Viễn thám ứng dụng trong địa chính	2	x	30	15	30
9	Môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	x	30	30	
<b>Tổng cộng bắt buộc</b>		<b>19</b>				

**Năm thứ: 3**

**Học kỳ 6**

TT	Tên môn học	TC	BB	TS	LT	TH
1	Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM	3	x	45	15	60
2	Quy hoạch phát triển nông thôn và đô thị	3	x	45	30	30
3	Autocad và Hệ thống định vị toàn cầu GPS	2	x	30	15	30
4	Thống kê đất đai	2	x	30	15	30
5	Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai	3	x	45	30	30
6	Phân hạng và định giá đất	2	x	30	15	30
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x	30	30	
8	TT chuyên ngành (Rèn nghề quản lý đất đai)	2	x			60
<b>Tổng cộng bắt buộc</b>		<b>19</b>				

**Năm thứ: 4**

**Học kỳ 7:**

TT	Tên môn học	TC	BB	TS	LT	TH
1	Tin học ứng dụng (Visual basic & Microsoft Access)	3	x	45	45	
1	Phương pháp PRA trong điều tra kiểm kê đất đai	2	x	30	15	30
2	Anh văn chuyên ngành QLDD	2	x	30	30	

3	Quy hoạch và sử dụng đất	3	x	45	30	30
4	Môi trường và sự phát triển đô thị	2	x	30	30	
5	TT thực tế ngành QLDD (TT giáo trình)	2	x	30		60
6	Dinh dưỡng khoáng cây trồng	2	Chọn 6 TC	30	30	
7	Quan hệ đất- cây trồng*	2		30	30	
8	Đánh giá số liệu phân tích đất- nước- cây trồng*	2		30	30	
9	Hệ thống canh tác*	2		30	30	
10	Nông nghiệp sạch & bền vững*	2		30	30	
11	Phong thủy ứng dụng*	2		30	30	
12	Sinh thái môi trường và sự biến đổi khí hậu*	2		30	30	
13	Hệ sinh thái nông nghiệp*	2		30	30	
14	Hệ sinh thái đất ngập nước*	2		30	30	
15	Quản lý dự án đầu tư*	2		30	15	30
<b>Tổng cộng bắt buộc</b>		<b>14+6*</b>				

### Học kỳ 8

TT	Tên môn học	TC	BB	TS	LT	TH
1	Quản lý & phân tích thị trường bất động sản	2	12	30	30	
2	Chiến lược phát triển bền vững tài nguyên đất đai	2		30	30	
3	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính	2		30	15	30
4	Tiêu luận tốt nghiệp	8		120		240
5	Khóa luận tốt nghiệp QLDD	12		180		360
<b>Tổng cộng bắt buộc</b>		<b>12</b>				

## 9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 9.1. Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đối với học phần thực tập, thực hành

Số tiết của các học phần là bội số của 15.

Một tiết giảng là 50 phút.

## 9.2. Chương trình ngành Quản lý đất đai được thiết kế theo đơn ngành:

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.

